

IDICO-UDICO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Web-site: idico-udico.com.vn E-mail: udico@hcm.vnn.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2019

ĐỒNG NAI, THÁNG 4 NĂM 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		277,104,839,676	271,164,606,867
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	15,378,895,693	44,486,413,033
1. Tiền	111		14,019,776,532	44,486,413,033
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,359,119,161	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176,187,493,260	137,064,849,566
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	149,536,677,763	128,895,419,413
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25,805,539,451	7,363,821,600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	845,276,046	805,608,553
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	83,766,520,829	83,308,572,024
1. Hàng hóa tồn kho	141		83,766,520,829	83,308,572,024
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,771,929,894	6,304,772,244
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	496,430,689	151,205,999
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		805,326,547	2,848,883,078
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.6	470,172,658	3,304,683,167
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		183,063,427,695	186,837,988,364
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,148,628,530	1,177,900,405
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	4,744,578,100	4,773,849,975
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		648,926,111	648,926,111
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	705,973,910	705,973,910
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	5.4	(4,950,849,591)	(4,950,849,591)
II. Tài sản cố định	220		127,559,900,011	130,015,421,378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	127,559,900,011	130,015,421,378

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá	222		309,922,403,001	307,089,240,150
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(182,362,502,990)	(177,073,818,772)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	5.8	7,469,551,970	7,689,316,493
- Nguyên giá	231		16,046,366,973	16,046,366,973
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(8,576,815,003)	(8,357,050,480)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8,167,175,426	9,720,576,867
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	8,167,175,426	9,720,576,867
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	35,037,478,265	33,830,933,265
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36,715,092,265	36,715,092,265
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1,677,614,000)	(2,884,159,000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,680,693,493	4,403,839,956
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	2,422,311,221	3,145,457,684
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1,258,382,272	1,258,382,272
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		460,168,267,371	458,002,595,231
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		183,661,465,108	193,640,025,428
I. Nợ ngắn hạn	310		178,468,569,170	186,266,033,545
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	67,817,885,456	68,025,773,515
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10,426,081,526	4,338,211,707
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.6	-	82,846,629
4. Phải trả người lao động	314		6,992,647,762	6,229,777,959
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1,920,112,807	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	7,000,000	28,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	2,129,636,014	2,122,608,130
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	84,300,000,000	99,800,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4,875,205,605	5,638,815,605
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5,192,895,938	7,373,991,883

36004867
CÔNG TY
CỔ PHẦN
Ư TƯ PHÁT
IÀ VÀ ĐỘ
IDICC
RACH - T. B

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.12	295,079,246	295,079,246
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		3,015,493	3,015,493
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	134,801,199	135,897,144
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	260,000,000	240,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	4,500,000,000	6,700,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		276,506,802,263	264,362,569,803
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	276,506,802,263	264,362,569,803
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,000,000,000	80,000,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16,200,000,000	16,200,000,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		129,002,826,385	129,002,826,385
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51,303,975,878	39,159,743,418
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		39,159,743,418	-
+ LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12,144,232,460	39,159,743,418
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		460,168,267,371	458,002,595,231



Lập, ngày 16 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Kiên Trung

Nguyễn Ngọc Minh

GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN PHÚ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I năm 2019

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	591,909,177,006	584,619,943,525	591,909,177,006	584,619,943,525
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.17	591,909,177,006	584,619,943,525	591,909,177,006	584,619,943,525
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	573,203,598,890	566,937,004,120	573,203,598,890	566,937,004,120
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		18,705,578,116	17,682,939,405	18,705,578,116	17,682,939,405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	299,781,031	445,449,584	299,781,031	445,449,584
7. Chi phí tài chính	22	5.20	(634,969,111)	598,061,658	(634,969,111)	598,061,658
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		571,575,889	803,884,658	571,575,889	803,884,658
8. Chi phí bán hàng	25	5.21	159,637,262	154,651,875	159,637,262	154,651,875
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	4,316,709,637	4,027,104,491	4,316,709,637	4,027,104,491
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		15,163,981,359	13,348,570,965	15,163,981,359	13,348,570,965
11. Thu nhập khác	31	5.23	16,309,218	9,985,609	16,309,218	9,985,609
12. Chi phí khác	32	5.23	-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	5.23	16,309,218	9,985,609	16,309,218	9,985,609
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50	5.24	15,180,290,577	13,358,556,574	15,180,290,577	13,358,556,574
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	3,036,058,117	2,671,711,315	3,036,058,117	2,671,711,315
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60= 50-51-52)	60		12,144,232,460	10,686,845,259	12,144,232,460	10,686,845,259
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	5.25	1,518	1,336	1,518	1,336
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		1,518	1,336	1,518	1,336

Người lập biểu

Phạm Kiên Trung

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Minh

Lập, ngày 16 tháng 4 năm 2019

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN PHÚ

TỔNG CÔNG TY IDICO-CTCP

Mẫu số B03a - DN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

KCN Nhơn Trạch I, X.Hiệp Phước, H.Nhơn Trạch, T.Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

QUÝ I NĂM 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	T.Minh	Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		528,693,408,985	575,011,095,927
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(527,350,474,913)	(542,005,467,443)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(5,938,980,017)	(6,217,986,700)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(571,575,889)	(803,884,658)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		3,318,640,530	4,917,277,730
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(7,025,154,216)	(9,309,397,558)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8,874,135,520)	21,591,637,298
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	6,7,8,11	(2,833,162,851)	(12,099,515,053)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		299,781,031	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,533,381,820)	(12,099,515,053)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	21	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		108,500,000,000	56,930,946,500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(126,200,000,000)	(67,500,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	21	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17,700,000,000)	(10,569,053,500)

Chỉ tiêu	Mã số	T.Minh	Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(29,107,517,340)	(1,076,931,255)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		44,486,413,033	7,901,191,975
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	29	15,378,895,693	6,824,260,720

Lập, ngày 16 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN PHÚ

Phạm Kiên Trung

Nguyễn Ngọc Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)

Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO (IDICO - UDICO) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 2028/QĐ-BXD ngày 21 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600486108 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 2 năm 2005, giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 2 ngày 4 tháng 6 năm 2007, lần 3 ngày 24 tháng 6 năm 2010 lần 4 ngày 01 tháng 6 năm 2012 và thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 7 năm 2015 với số vốn điều lệ là 80 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO URBAN AND HOUSE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINTSTOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO – UDICO.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: UIC

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty IDICO - CTCP	4.080.000	40.800.000.000	51%
Các cổ đông khác	3.920.000	39.200.000.000	49%
Tổng	8.000.000	80.000.000.000	100%

Địa chỉ đăng ký: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Đầu tư phát triển và kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế, các công trình thủy điện, nhiệt điện; Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật trong các khu công nghiệp và đô thị;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Lắp đặt máy móc thiết bị phục vụ xây dựng;
- Kinh doanh điện, nước;
- Lắp đặt các thiết bị cơ điện cho công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lắp đặt các thiết bị cơ điện lạnh cho công trình dân dụng và công nghiệp;
- Khai thác mỏ, chế biến vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu (xăng, dầu);
- Kinh doanh các thiết bị cơ điện và cơ điện lạnh cho công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Vận chuyển hàng hóa
- Khai thác, chế biến các loại quặng kim, khoáng sản từ quặng titan
- Bán buôn các loại quặng, khoáng sản;

- Thiết kế và thi công các công trình đường dây và trạm biến thế, thiết kế hệ thống cung cấp điện hạ thế, hệ thống cấp thoát nước trong các khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư. Tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế các công trình điện có cấp điện áp $\leq 35KV$. Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông đường bộ;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: kinh doanh điện năng trong khu công nghiệp, thiết kế và thi công các công trình hạ tầng khu công nghiệp, xây dựng dân dụng.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/03/2019, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính
Đơn vị trực thuộc	
Xí nghiệp Lắp máy điện nước	Cung cấp điện
Xí nghiệp Phát triển nhà số 5	Xây lắp dân dụng
Xí nghiệp Xây lắp dân dụng và công nghiệp số 6	Xây lắp dân dụng

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán

Đồng Việt Nam (VNĐ).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này.. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng

tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh lũy kế đến ngày kết thúc giai đoạn liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp và hàng hóa bất động sản. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ còn bao gồm giá thành của các nhà thầu phụ và của các xí nghiệp được khoán thi công đã thực hiện hoàn thành nhưng chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2019
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	
Trạm điện	13
Đường dây điện	12
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	20
Máy móc và thiết bị	
Máy biến áp và thiết bị trạm điện	10
Máy móc, thiết bị khác	05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của công ty tại 31/03/2019 gồm Chung cư 5 tầng 01 và Chung cư 5 tầng 02 dùng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê. Thời gian hữu dụng ước tính để tính khấu hao là 10 năm.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.



Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu kinh doanh điện năng

Doanh thu kinh doanh điện năng được ghi nhận trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ thực tế đo lường thông qua công cụ đo đếm điện năng được khách hàng chấp thuận thanh toán

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền

- kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết

N:36
C
C
ĐẤU
NHÀ
II
N TR

trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các loại thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế phù hợp với quy định về pháp luật thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ (Tổng Công ty IDICO - CTCP) và các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Kinh doanh điện năng, Xây lắp, Đầu tư và kinh doanh Bất động sản, và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

108
TY
ÂN
TRIỂN
ĐÔ THỊ
O
ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)

Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền**

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	1,609,170,364	1,129,750,711
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12,410,606,168	43,356,662,322
Các khoản tương đương tiền	1,359,119,161	-
Cộng	15,378,895,693	44,486,413,033

5.2 Phải thu khách hàng

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	149,536,677,763	128,895,419,413
Công ty Cổ phần dệt Texhong Nhon Trạch	18,157,924,082	16,026,822,614
Công ty Hualon Corporation Việt Nam	18,646,566,415	9,988,419,710
Tổng Công ty IDICO - CTCP	-	10,140,357,241
Các đối tượng còn lại	112,732,187,266	92,739,819,848
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	4,744,578,100	4,773,849,975
Phải thu các khách hàng còn lại	4,744,578,100	4,773,849,975
Trong đó số dư các bên liên quan	10,541,381,613	14,769,289,790
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	3,031,634,432	2,849,114,461
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	1,318,860,891	1,169,226,931
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	183,977,599	200,938,060
Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	360,679,695	409,653,097
Tổng Công ty IDICO - CTCP	5,646,228,996	10,140,357,241
Cộng	154,281,255,863	133,669,269,388



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)
 Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.3 Phải thu khác

	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Ký quỹ ký cược	845,276,046	-	805,608,553	-
Tạm ứng	-	-	-	-
Phải thu khác (*)	89,000,000	-	29,000,000	-
	756,276,046	-	776,608,553	-
b) Dài hạn				
Tạm ứng	705,973,910	270,417,403	705,973,910	270,417,403
Phải thu khác (**)	51,622,896	51,622,896	51,622,896	51,622,896
	654,351,014	218,794,507	654,351,014	218,794,507
Cộng	1,551,249,956	270,417,403	1,511,582,463	270,417,403

	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Ngắn hạn khác (*)				
Phải thu khác	756,276,046	-	776,608,553	-
Phí trước bạ	33,986,788	-	33,986,788	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	26,652,234	-	27,097,934	-
Công ty CP XD Nền móng Sông Đà Thăng Long	93,832,961	-	110,982,961	-
Miền Nam	81,207,769	-	81,207,769	-
Công ty TNHH Trường Nam	338,180,909	-	338,180,909	-
Công ty TNHH TM DV & XD Phan Vũ	19,790,909	-	19,790,909	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thanh Xuân	147,165,848	-	147,165,848	-
Hội đồng bồi thường thành phố Biên Hòa	14,400,000	-	14,400,000	-
Đào Công Thắng	-	-	1,466,220	-
Phạm Quốc Bình	364,090	-	1,246,630	-
Công ty CP chứng khoán FPT-CN HCM	694,538	-	1,082,585	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)
 Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

31/03/2019 (VND)

01/01/2019 (VND)

	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Dài hạn khác (**)	654,351,014	218,794,507	654,351,014	218,794,507
Công ty TNHH Xuân Bình	102,109,973	102,109,973	102,109,973	102,109,973
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	37,583,984	37,583,984	37,583,984	37,583,984
Cty TNHH DV Chiến Thắng	67,750,550	67,750,550	67,750,550	67,750,550
Công ty ống thép Sài Gòn	11,350,000	11,350,000	11,350,000	11,350,000
Doanh nghiệp tư nhân Minh Hà	214,600,141	-	214,600,141	-
Công ty TNHH XD TM và SX Long Hải	17,778,454	-	17,778,454	-
Ngô Quang Trung	102,848,420	-	102,848,420	-
Công ty CP ĐT và XD Miền Nam	48,081,492	-	48,081,492	-
Công ty TNHH MTV ô tô Trần Thành	52,248,000	-	52,248,000	-
Cộng	654,351,014	218,794,507	654,351,014	218,794,507

5.4 Nợ xấu

31/03/2019 (VND)

01/01/2019 (VND)

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Phương Nga	3,944,304,715	-	3,944,304,715	-
Các đối tượng khác còn lại	1,006,544,876	-	1,006,544,876	-
Cộng	4,950,849,591	-	4,950,849,591	-

Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

Trong đó:

Công ty TNHH Phương Nga	4,950,849,591	4,950,849,591
Khách hàng khác	-	-
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 3 năm trở lên
	-	3,944,304,715
	-	1,006,544,876



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)
 Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.5 Hàng tồn kho

	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3,444,121,431	-	2,982,007,741	-
Công cụ, dụng cụ	81,860,502	-	81,860,502	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	80,240,538,896	-	80,244,703,781	-
Cộng	83,766,520,829	-	83,308,572,024	-

5.6 Các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

	01/01/2019 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/03/2019 (VND)
Phải nộp	82,846,629	3,517,325,880	3,600,172,509	-
Thuế GTGT	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3,036,058,117	3,036,058,117	-
Thuế thu nhập cá nhân	82,846,629	475,267,763	558,114,392	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	6,000,000	6,000,000	-
Phải thu	3,304,683,167	3,036,058,117	201,547,608	470,172,658
Thuế thu nhập doanh nghiệp thừa	3,304,683,167	3,036,058,117		268,625,050
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-	201,547,608	201,547,608

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)

Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng (VND)
Số dư tại 01/01/2019	119,681,067,158	178,274,299,362	7,642,344,457	1,491,529,173	307,089,240,150
Tăng trong kỳ	801,105,454	1,108,541,033	923,516,364	-	2,833,162,851
Mua trong kỳ	-	-	923,516,364	-	923,516,364
Đầu tư XDCB hoàn thành	801,105,454	1,108,541,033	-	-	1,909,646,487
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2019	120,482,172,612	179,382,840,395	8,565,860,821	1,491,529,173	309,922,403,001
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2019	38,963,021,836	130,840,395,614	6,165,907,110	1,104,494,212	177,073,818,772
Tăng trong kỳ	2,218,705,806	2,910,314,258	116,777,729	42,886,425	5,288,684,218
Khấu hao trong kỳ	2,218,705,806	2,910,314,258	116,777,729	42,886,425	5,288,684,218
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2019	41,181,727,642	133,750,709,872	6,282,684,839	1,147,380,637	182,362,502,990
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	80,718,045,322	47,433,903,748	1,476,437,347	387,034,961	130,015,421,378
Tại ngày 31/03/2019	79,300,444,970	45,632,130,523	2,283,175,982	344,148,536	127,559,900,011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)

Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.8 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ (VND)
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	16,046,366,973	-	-	16,046,366,973
- Nhà	-			-
Chung cư 5 tầng số 1	8,538,454,666	-	-	8,538,454,666
Chung cư 5 tầng số 2	7,507,912,307	-	-	7,507,912,307
Giá trị hao mòn lũy kế	8,357,050,480	219,764,523	-	8,576,815,003
- Nhà	-			-
Chung cư 5 tầng số 1	4,382,352,953	118,783,472	-	4,501,136,425
Chung cư 5 tầng số 2	3,974,697,527	100,981,051	-	4,075,678,578
Giá trị còn lại	7,689,316,493	-	219,764,523	7,469,551,970
- Nhà	-			-
Chung cư 5 tầng số 1	4,156,101,713	-	118,783,472	4,037,318,241
Chung cư 5 tầng số 2	3,533,214,780	-	100,981,051	3,432,233,729
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	-	-	-	-

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được đánh giá và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Theo đó, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

5.9 Chi phí trả trước

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	496,430,689	151,205,999
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	457,106,043	151,205,999
Các khoản khác	39,324,646	
b) Dài hạn	2,422,311,221	3,145,457,684
Các khoản khác	2,422,311,221	3,145,457,684
Cộng	2,918,741,910	3,296,663,683

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)

Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Chi mua sắm	-	-
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	8,167,175,426	9,720,576,867
Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2 - tỉnh Bình Thuận	5,153,993,780	5,153,993,780
Hệ thống lưới điện phân phối 22 kV-Cải tạo đường dây 22kV đường N2 cấp điện cho KCN Nhơn Trạch 2	157,881,818	-
Hệ thống SCADA cho Trạm biến áp 110/22kV Tuy Hạ	58,363,228	-
Đầu tư trạm biến áp 110/22kV - KCN Nhơn Trạch V	-	1,574,568,305
Hệ thống lưới điện phân phối 22 KV thay đường dây 22 KV cáp trần bằng cáp bọc lộ 473-486 (Lộ 475,479 cũ)	-	84,342,727
Hệ thống lưới điện phân phối 22 KV thay đường dây 22 KV cáp trần bằng cáp bọc lộ 475 (Đường dây tải điện 22kV Tuy Hạ cũ)	-	43,290,000
Hệ thống lưới điện phân phối 22kV-Cải tạo đường dây 22kV đường N1,N2	-	67,445,455
Hệ thống lưới điện phân phối 22 KV thay đường dây 22 KV cáp trần bằng cáp bọc đường số 1,3,6,10,12-Lộ 478,481 KCN Nhơn Trạch I	2,796,936,600	2,796,936,600
c) Chi sửa chữa	-	-
Cộng	8,167,175,426	9,720,576,867

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)
 Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

		Mẫu B 09 a - DN			
Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
		Số lượng	Giá gốc	Số lượng	Giá gốc
					Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác					
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (PXL)	0.29%	237,100	2,371,000,000	237,100	36,715,092,265
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (HTI)	10.00%	2,494,920	27,699,849,300	2,494,920	32,819,308,965
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (LMI)	4.81%	264,424	2,644,242,965	264,424	2,884,159,000
Công ty Cổ phần ĐT PT Đô thị và KCN Quế Võ IDICO	5.00%	400,000	4,000,000,000	400,000	735,010,000
Cộng					
			34,113,308,000		36,715,092,265
			1,677,614,000		2,884,159,000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)
Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.12 Phải trả người bán

	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	67,817,885,456	67,817,885,456	68,025,773,515	68,025,773,515
	56,993,972,560	56,993,972,560	49,297,989,100	49,297,989,100
Các đối tượng còn lại	10,823,912,896	10,823,912,896	18,727,784,415	18,727,784,415
b) Dài hạn				
Các đối tượng phải trả	295,079,246	295,079,246	295,079,246	295,079,246
Cộng	68,112,964,702	68,112,964,702	68,320,852,761	68,320,852,761
Trong đó phải trả bên liên quan	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)

Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.13 Chi phí phải trả

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	-	-
Chi phí duy tu bảo dưỡng TBA và hệ thống đường dây 22KV	-	-
Lắp đặt MBA 2x630kVA-22/0.4kV cấp điện cho Công ty TNHH Công nghiệp TA	1,886,372,807	-
Bảo trì trạm biến áp Công ty TNHH quốc tế SamJin	33,740,000	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1,920,112,807	-

5.14 Phải trả khác

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	2,129,636,014	2,122,608,130
Kinh phí công đoàn	614,023,106	717,195,222
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	334,295,605	334,295,605
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,181,317,303	1,071,117,303
b) Dài hạn	260,000,000	240,000,000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	260,000,000	240,000,000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	2,389,636,014	2,362,608,130
d) Doanh thu chưa thực hiện		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	7,000,000	28,000,000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	134,801,199	135,897,144
Cộng	141,801,199	163,897,144

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)
 Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/03/2019 (VND)		Trong kỳ		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	75,500,000,000	75,500,000,000	108,500,000,000	124,000,000,000	91,000,000,000	91,000,000,000
- Chi nhánh Đồng Đăng Nai	75,500,000,000	75,500,000,000	108,500,000,000	124,000,000,000	91,000,000,000	91,000,000,000
b) Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	8,800,000,000	8,800,000,000	2,200,000,000	2,200,000,000	8,800,000,000	8,800,000,000
- Chi nhánh Đồng Đăng Nai	8,800,000,000	8,800,000,000	2,200,000,000	2,200,000,000	8,800,000,000	8,800,000,000
c) Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	4,500,000,000	4,500,000,000		2,200,000,000	6,700,000,000	6,700,000,000
- Chi nhánh Đồng Đăng Nai	4,500,000,000	4,500,000,000		2,200,000,000	6,700,000,000	6,700,000,000
Cộng	88,800,000,000	88,800,000,000	110,700,000,000	128,400,000,000	106,500,000,000	106,500,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)
 Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng (VND)
Số dư tại 01/01/2018	80,000,000,000	16,200,000,000	72,885,613,677	87,984,961,008	257,070,574,685
Tăng trong năm	-	-	56,117,212,708	50,359,743,418	106,476,956,126
Lãi hoạt động kinh doanh	-	-	-	50,359,743,418	50,359,743,418
Phân phối lợi nhuận	-	-	56,117,212,708	-	56,117,212,708
Giảm trong năm	-	-	-	99,184,961,008	99,184,961,008
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	56,117,212,708	56,117,212,708
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	7,867,748,300	7,867,748,300
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	24,000,000,000	24,000,000,000
Chia cổ tức tạm ứng năm 2018	-	-	-	11,200,000,000	11,200,000,000
Số dư tại 31/12/2018	80,000,000,000	16,200,000,000	129,002,826,385	39,159,743,418	264,362,569,803
Số dư tại 01/01/2019	80,000,000,000	16,200,000,000	129,002,826,385	39,159,743,418	264,362,569,803
Tăng trong kỳ	-	-	-	12,144,232,460	12,144,232,460
Lãi kinh doanh trong kỳ	-	-	-	12,144,232,460	12,144,232,460
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2019	80,000,000,000	16,200,000,000	129,002,826,385	51,303,975,878	276,506,802,263

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)

Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng Công ty IDICO - CTCP	40,800,000,000	40,800,000,000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	39,200,000,000	39,200,000,000
Cộng	80,000,000,000	80,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2019 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2018 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	80,000,000,000	80,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	80,000,000,000	80,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	35,200,000,000

d. Cổ phiếu

	31/03/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,000,000	8,000,000
Cổ phiếu phổ thông	8,000,000	8,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10,000	10,000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	129,002,826,385	129,002,826,385
Cộng	129,002,826,385	129,002,826,385

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)

Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh điện năng	580,031,254,348	549,787,722,771
Doanh thu hoạt động xây lắp	9,821,240,000	25,067,749,772
Doanh thu đầu tư kinh doanh bất động sản	1,691,880,346	5,057,157,950
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	364,802,312	4,707,313,032
Cộng	591,909,177,006	584,619,943,525

5.18 Giá vốn hàng bán

	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh điện năng	562,254,134,926	533,078,608,839
Giá vốn hoạt động xây lắp	9,284,730,574	24,625,200,173
Giá vốn đầu tư, kinh doanh bất động sản	1,408,500,601	4,749,286,352
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	256,232,789	4,483,908,756
Cộng	573,203,598,890	566,937,004,120

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	299,781,031	445,449,584
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Cộng	299,781,031	445,449,584

5.20 Chi phí hoạt động tài chính

	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	571,575,889	803,884,658
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1,206,545,000)	(205,823,000)
Cộng	(634,969,111)	598,061,658

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)

Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.21 Chi phí bán hàng

	Quý I năm 2019 VND	Quý I năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	159,637,262	150,585,540
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	4,066,335
Cộng	159,637,262	154,651,875

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I năm 2019 VND	Quý I năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2,639,917,527	2,526,432,555
Chi phí vật liệu quản lý	110,187,646	100,321,709
Chi phí đồ dùng văn phòng	29,850,000	43,906,237
Chi phí khấu hao TSCĐ	159,664,154	278,605,655
Thuế phí và lệ phí	183,704,053	153,624,477
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	373,224,997	556,364,677
Chi phí bằng tiền khác	820,161,260	367,849,181
Cộng	4,316,709,637	4,027,104,491

5.23 Lợi nhuận khác

	Quý I năm 2019 VND	Quý I năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	-	-
Các khoản khác	16,309,218	9,985,609
Cộng	16,309,218	9,985,609
Chi phí khác		
Các khoản khác	-	-
Cộng	-	-
Lợi nhuận khác	16,309,218	9,985,609

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý I năm 2019 VND	Quý I năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15,180,290,577	13,358,556,574
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Thu nhập chịu thuế	15,180,290,577	13,358,556,574
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3,036,058,117	2,671,711,315
Thuế TNDN hiện hành	3,036,058,117	2,671,711,315

5.25 Lãi trên cơ bản cổ phiếu

	Quý I năm 2019 VND	Quý I năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12,144,232,460	10,686,845,259
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12,144,232,460	10,686,845,259
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	8,000,000	8,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1,518	1,336



5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý I năm 2019 VND	Quý I năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	930,034,775	9,876,375,900
Chi phí nhân công	8,247,373,799	661,277,256
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,508,448,741	5,285,438,732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	561,726,676,947	554,451,683,048
Chi phí khác bằng tiền	899,026,630	367,849,181
Cộng	577,311,560,892	570,642,624,117

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát, Thư Ký HĐQT:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Quý I năm 2019 VND	Quý I năm 2018 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT	Thu nhập từ lương, thưởng, phụ cấp và các khoản khác	1,648,267,149	1,158,683,000

Các giao dịch bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Quý I năm 2019 VND	Quý I năm 2018 VND
<u>Giao dịch mua</u>				
1. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Tiền nước	59,690,854	62,648,284
		Tiền thuê lại đất	20,905,173	20,905,173
		Tiếp khách	-	-
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Xăng dầu	61,997,418	33,188,091
3. Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	-	-	-
4. Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh - Công ty mẹ	-	-	-
Cộng			142,593,445	116,741,548

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)
 Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Mẫu B 09 a - DN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Quý I năm 2019 VND	Quý I năm 2018 VND
Giao dịch bán				
1. Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh - Công ty mẹ	Cung cấp điện	1,023,619,797	1,025,246,430
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Cung cấp vật tư Cung cấp điện	- 506,916,434	- 527,374,866
3. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Thiết bị đo lường Cung cấp điện	- 2,832,214,556	- 2,812,081,501
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Thiết bị đo lường Xây lắp Cung cấp điện	- - 378,745,018	22,800,000 - 330,840,969
5. Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	Thiết bị đo lường Giá trị xây lắp	- -	- 12,415,483,636
Cộng		Cung cấp vật tư	-	4,055,459,359
			4,741,495,805	21,189,286,761

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)
 Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư phải thu và phải trả các bên liên quan:

Bên liên quan

Khoản mục

**31/03/2019
VND**

**01/01/2019
VND**

1. Tổng Công ty IDICO - CTCP	Phải thu khách hàng	5,646,228,996	10,140,357,241
2. Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Phải thu khách hàng	360,679,695	409,653,097
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Phải thu khách hàng	3,031,634,432	2,849,114,461
4. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	Phải thu khách hàng	1,318,860,891	1,169,226,931
5. Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	Ứng trước cho người bán	97,000,000	97,000,000
6. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lấp máy IDICO	Phải thu khách hàng	183,977,599	200,938,060
Cộng		10,638,381,613	14,866,289,790

Bên liên quan

Khoản mục

**31/03/2019
VND**

**01/01/2019
VND**

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	Phải trả người bán	-	-
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Phải trả người bán	-	-
3. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	Người mua trả tiền trước	934,386,000	934,386,000
Cộng		934,386,000	934,386,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)
 Báo cáo tài chính quý I năm 2019

Mẫu B 09 a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.2 Báo cáo bộ phận

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh điện năng, Xây lắp, Đầu tư và kinh doanh Bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, thẩm kế chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Kinh doanh điện	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản	Khác	Tổng (VND)
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	130,015,421,378	-	7,689,316,493	-	137,704,737,871
Xây dựng cơ bản dở dang	4,566,583,087	-	-	5,153,993,780	9,720,576,867
Các khoản phải thu	100,504,888,788	30,570,405,577	6,228,234,585	939,221,021	138,242,749,971
Hàng tồn kho	-	84,566,954,296	-	-	84,566,954,296
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	87,767,576,226
Tổng tài sản					458,002,595,231
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	49,297,989,100	21,436,741,862	1,268,009,158	15,137,285,308	87,140,025,428
Phải trả tiền vay	106,500,000,000	-	-	-	106,500,000,000
Tổng nợ phải trả					193,640,025,428

Báo cáo tài chính quý I năm 2019

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 31/12/2018

Kinh doanh điện Xây lắp Đầu tư, kinh doanh Bất động sản

11,380,062,855)
50,359,743,418

Kinh doanh điện Xây lắp doanh Bất động sản Dầu tr, kinh

460,168,267,371

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)
 Báo cáo tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả	56,993,972,560	21,186,097,913	1,043,468,533	15,637,926,102	94,861,465,108
Phải trả tiền vay	88,800,000,000	-	-	-	88,800,000,000
Tổng nợ phải trả					183,661,465,108

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 31/03/2019

DOANH THU	Kinh doanh điện		Xây lắp		Đầu tư, kinh doanh Bất động sản		Khác	Tổng (VND)
Tổng doanh thu	580,031,254,348		9,821,240,000		1,691,880,346		364,802,312	591,909,177,006
Kết quả kinh doanh bộ phận	14,095,378,896		536,509,426		123,742,483		108,569,523	14,864,200,328
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-		-		-			299,781,031
Lợi nhuận khác	-		-		-			16,309,218
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-		-		-			15,180,290,577
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		-		-			(3,036,058,117)
Lợi nhuận trong kỳ								12,144,232,460

6.3 Số liệu so sánh

Lợi nhuận sau thuế Quý I năm 2019 tăng 1,457,387,201 đồng so với Lợi nhuận sau thuế Quý I năm 2018, tương ứng 13.64%.

Do nguyên nhân chủ yếu sau:

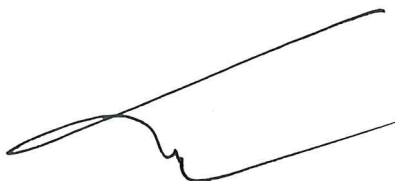
- Chi phí tài chính Quý I năm 2019 giảm 1,233,030,769 đồng so với Chi phí tài chính Quý I năm 2018. Do Quý I năm 2019 Công ty hạch toán hoàn nhập khoản trích lập chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn là 1,206,545,000 đồng.

Người lập



Phạm Kiên Trung

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Minh

Đồng Nai, ngày 16 tháng 04 năm 2019

Giám đốc



Trần Văn Phú

